

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2006-2010

MỤC LỤC

- A. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC ĐHQG-HCM GIAI ĐOẠN 2006-2010
 - I. Phạm vi quốc tế
 - II. Phạm vi quốc gia và ngành giáo dục
 - III. Phạm vi ĐHQG-HCM
- B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐHQG-HCM GIAI ĐOẠN 2006-2010
 - I. Mục tiêu chiến lược ĐHQG-HCM giai đoạn 2006-2010
 - II. Những thành quả nổi bật thực hiện chiến lược ĐHQG-HCM giai đoạn 2006-2010
 - III. Tồn tại
- C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐHQG-HCM GIAI ĐOẠN 2006-2010
 - I. Hình thành bộ máy thường trực theo dõi thực hiện kế hoạch chiến lược
 - II. Chỉ đạo triển khai, kiểm soát, đánh giá thực hiện kế hoạch chiến lược
- D. KẾT LUẬN
 - I. Đánh giá chung
 - II. Nguyên nhân của các thành quả
 - III. Nguyên nhân tồn tại
 - IV. Bài học kinh nghiệm

A. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

I. Phạm vi quốc tế

Trong những năm đầu thế kỷ 21, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, tri thức ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong việc mang lại sự phồn thịnh cho các quốc gia. Chính tri thức, không phải các yếu tố khác như địa lý, nguồn tài nguyên hay dân số sẽ quyết định vận mệnh của các dân tộc. Tri thức có mặt ở tất cả các khía cạnh của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng; là nhân tố quan trọng thúc đẩy các công cuộc cải tổ, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hệ thống sản xuất và quản trị. Qua đó, tạo thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu thiết thực của nhân loại và toàn thế giới.

Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức trong kỷ nguyên mới, hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhất là các nước đang có nền kinh tế đang nổi lên như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Ai Cập, Malaysia... đang đẩy mạnh việc phát triển, trao đổi và bảo tồn tri thức. Hệ quả là xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập, đặc biệt là toàn cầu hóa về giáo dục và đào tạo đã và đang diễn ra mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế tri thức với lực lượng sản xuất chủ yếu là con người và tư liệu sản xuất chủ yếu là hạ tầng thông tin và nguồn tài nguyên tin tức (Nguyễn Bích Lâm – Viện khoa học Thống kê).

Một khi sự phồn thịnh của quốc gia phụ thuộc vào yếu tố tri thức thì cũng là lúc nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng và trình độ cao gia tăng đáng kể. Trong giai đoạn 5 năm vừa qua, nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao luôn được các quốc gia chú trọng đào tạo và thu hút. Một ví dụ điển hình là Singapore, trong số 4,5 triệu lao động Singapore có tới 25% là người nước ngoài. Ngoài ra, nước này đã phải liên tục đầu tư vào việc đào tạo nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua con đường giáo dục với các trường đại học danh tiếng như Công nghệ Nanyang (NTU), Học viện phát triển quản lý Singapore (MDIS), Đại học Quốc gia Singapore (NUS) (nguồn: Tạp chí xây dựng Đảng – Ban Tổ chức Trung ương).

Tuy nhiên, khủng hoảng tài chính thế giới bắt đầu từ năm 2008 đã dẫn tới những đổ vỡ tài chính, suy thoái kinh tế, suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có nước ta. Cuộc khủng hoảng này có tác động rất lớn đến việc thu hút nhân tài và đào tạo nguồn nhân lực.

II. Phạm vi quốc gia và trong ngành GD-ĐT

Đại hội lần thứ X của Đảng đã xác định phương hướng phát triển giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ là ”...tạo được bước chuyển biến cơ bản về phát triển giáo dục – đào tạo”, ”...phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ”. Căn cứ trên chỉ đạo đó, rất nhiều chủ trương, chính sách của Chính phủ đã được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của giáo dục đại học cũng như của ĐHQG-HCM như: Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; Nghị quyết Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020; Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về “đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012”; Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về việc phê duyệt qui hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 – 2020; Cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” trong đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Theo lộ trình gia nhập Tổ chức Thương mại quốc tế - WTO, kể từ 1/1/2010, các cơ sở giáo dục, đào tạo vốn 100% nước ngoài sẽ được phép thành lập tại Việt Nam và Chính phủ sẽ cho phép hình thành các khu đại học dành cho các trường đại học nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Do đó, thị trường giáo dục đại học Việt Nam sẽ đón nhận thêm nhiều trường ĐH và cao đẳng vốn nước ngoài hoạt động trong thời gian ngắn sắp đến. Qua đó, mở ra nhiều cơ hội học tập cho sinh viên Việt Nam nhưng cũng mang lại nhiều thách thức, đặc biệt là gia tăng sự cạnh tranh đối với các đại học Việt Nam.

III. Phạm vi ĐHQG-HCM

ĐHQG-HCM có quy chế tổ chức và hoạt động riêng do Thủ tướng Chính phủ ban hành, có tính chủ động và tự chịu trách nhiệm cao, tạo điều kiện rất thuận lợi cho ĐHQG-HCM trong hoạt động và điều hành, đặc biệt trong việc thí điểm các mô hình và cơ chế mới, tiên tiến trong đào tạo và NCKH. Ngoài ra, sự đa ngành cùng với cơ chế phân cấp hợp lý, gắn kết hữu cơ đã tạo cho ĐHQG-HCM sức mạnh hệ thống trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác. Một yếu tố quan trọng khác cũng tác động mạnh đến quá trình triển khai kế hoạch chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2006 – 2010 chính là sự quan tâm, ủng hộ của Đảng, Chính phủ, các địa phương và sự đồng thuận, quyết tâm của lãnh đạo ĐHQG-HCM cũng như các đơn vị thành viên và trực thuộc trong việc triển khai các hoạt động phát triển ĐHQG.

Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM tọa lạc tại vùng kinh tế trọng điểm, năng động, có tốc độ phát triển KT-XH cao nhất nước nên nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao

và ứng dụng khoa học công nghệ trong thực tiễn ngày càng lớn. Việc hội nhập quốc tế của quốc gia đang được đẩy mạnh tạo cơ hội cho ĐHQG-HCM được hợp tác với các đại học danh tiếng, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới; đẩy nhanh quá trình đạt tới trình độ của khu vực và quốc tế của ĐHQG-HCM.

Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng về tài chính thế giới và sự lạm phát cao trong nước vào các năm 2008, 2009 đã ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động của ĐHQG-HCM, đặc biệt là công tác xây dựng cơ bản tại khu qui hoạch Thủ Đức – Dĩ An.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐHQG-HCM GIAI ĐOẠN 2006-2010

I. Mục tiêu chiến lược của ĐHQG-HCM giai đoạn 2006 – 2010

ĐHQG-HCM phát huy nội lực, chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế, đổi mới đào tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng trong đào tạo, khoa học – công nghệ và hợp tác quốc tế, góp phần đáp ứng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao cho xã hội, phát triển ĐHQG-HCM ngang tầm với các trường đại học tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.

Phấn đấu đến năm 2010, có ít nhất 15 nhóm ngành đào tạo và 13 lĩnh vực khoa học công nghệ đi tiên phong đạt trình độ khu vực Đông Nam Á.

II. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược ĐHQG-HCM giai đoạn 2006-2010

Bám sát mục tiêu Chiến lược giai đoạn 2006-2010, trên tinh thần ”Sức mạnh hệ thống”, ĐHQG-HCM đã tập trung hoàn thiện mô hình và cơ chế quản lý đại học đa ngành, đa lĩnh vực, kết hợp đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cộng đồng, đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM đang từng bước hình thành khu đô thị đại học hiện đại tại Thủ Đức - Dĩ An.

1. Hoàn thiện mô hình hệ thống đại học đa ngành đa lĩnh vực với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao

a) Phát huy cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm trong toàn ĐHQG-HCM

ĐHQG-HCM là hệ thống gồm các trường đại học, các viện nghiên cứu và đơn vị chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. ĐHQG-HCM xác định rõ cơ chế quản lý: ĐHQG-HCM chịu trách nhiệm về lãnh đạo chung, xây dựng chiến lược phát triển, đưa ra các quyết sách về phương hướng, đường lối cho toàn hệ

thống. Các trường, viện thành viên, với mô hình trường đại học nghiên cứu, đột phá từng thể mạnh riêng từng đơn vị trong thể tương tác, hỗ trợ nhau. Bên cạnh các đơn vị thành viên, ĐHQG-HCM đang hoàn thiện hệ thống các đơn vị trực thuộc, gồm: nhà xuất bản, tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, hệ thống thư viện, ký túc xá sinh viên,..Các đơn vị này hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp của ĐHQG-HCM, cung cấp những giá trị bổ sung, hỗ trợ sự phát triển của từng thành viên, cũng như tăng cường sức mạnh cho toàn hệ thống.

Nhằm cụ thể hóa cơ chế quản lý, ĐHQG-HCM đã ban hành Quyết định số 261/ĐHQG-TCCB ngày 5/4/2010 về việc ban hành *Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường ĐH thành viên trong ĐHQG-HCM*. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện và phát huy thể mạnh của mô hình ĐHQG, xác lập và định hình rõ nét trách nhiệm, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao của ĐHQG-HCM và các trường đại học thành viên, mối quan hệ nội bộ của ĐHQG-HCM.

Triển khai, thực hiện quy định này, ĐHQG-HCM sẽ tạo thêm sức mạnh của hệ thống thông qua việc tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học thành viên đối với ĐHQG-HCM và xã hội; tăng tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của ĐHQG-HCM và tạo môi trường sáng tạo khoa học, quản trị đại học cho các trường đại học thành viên.

Như vậy, thực hiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của ĐHQG do Chính phủ quy định, cũng như triển khai trong thực tế, hoạt động của ĐHQG-HCM đã luôn hướng tới phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao trước xã hội của toàn đại học; phát huy tối đa tính tự chủ các đơn vị cơ sở, trao quyền và trách nhiệm cho cơ sở ngày càng nhiều hơn.

b) Thành lập các đơn vị mới, hoàn thiện mô hình đại học đa ngành đa lĩnh vực

Khai thác thể mạnh của các ngành khoa học hiện có tại ĐHQG-HCM như khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn, khoa học kỹ thuật – công nghệ, khoa học kinh tế - quản lý, ĐHQG-HCM đã thành lập khoa Y với ngành khoa học sức khỏe nhằm hoàn thiện mô hình đại học đa ngành đa lĩnh vực.

Trong giai đoạn 2006-2010, ĐHQG-HCM cũng đã thành lập thêm các đơn vị đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới nhằm đáp ứng sự phát triển của đơn vị và yêu cầu xã hội: TT Đào tạo và thiết kế vi mạch, TT Xuất sắc JVN. Ngoài ra, TT Lý luận chính trị ra đời với mục tiêu liên thông giảng dạy các môn khoa học chính trị trong toàn ĐHQG-HCM, tạo sự gắn kết, chia sẻ trong đào tạo và nghiên cứu.

Hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, ĐHQG-HCM đã thành lập Quỹ phát triển ĐHQG-HCM và quỹ Khoa học công nghệ. Hai Quỹ này đã đi vào hoạt động, khai thác thế mạnh, vị thế của ĐHQG-HCM để tạo nguồn tài chính, góp phần phát triển chung cho ĐHQG-HCM.

Trường Đại học Kinh Tế - Luật trưởng thành và trở thành trường thành viên thứ 6 của ĐHQG-HCM trên cơ sở khoa Kinh Tế - Luật.

2. Tạo sự chuyển biến rõ nét về quản lý và chất lượng đào tạo, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước

a) Kiểm soát quy mô và cơ cấu đào tạo

Giai đoạn 2006-2010, ĐHQG-HCM quyết tâm ổn định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo. Quy mô tuyển sinh đã được kiểm soát chặt chẽ và đạt mục tiêu đề ra: Chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học tăng trung bình trên 10% mỗi năm. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính qui hàng năm tăng trung bình 3-4%. Việc tăng quy mô này là do ĐHQG-HCM thành lập các đơn vị mới (Khoa Y,..), hoặc mở thêm nhiều ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng vẫn giữ nguyên không đổi.

Đối với quy mô đào tạo, trung bình quy mô đại học hệ chính qui tăng 3-5% trong 5 năm qua (tăng 21% trong 5 năm), đặc biệt qui mô đào tạo sau đại học tăng 43% trong 5 năm. Tuy nhiên, khi so sánh tỷ lệ qui mô đào tạo sau đại học với đại học chính qui giữa chỉ tiêu chiến lược và thực tế thì vẫn chưa đạt theo chỉ tiêu của chiến lược đề ra. Cụ thể là tỷ lệ quy mô đào tạo trình độ SĐH/ĐH chính quy khoảng 12-14% qua các năm (chỉ tiêu Chiến lược là 25%).

Như vậy với tổng qui mô đào tạo các hệ, hàng năm, ĐHQG-HCM cung cấp cho xã hội khoảng 10.000 sinh viên đại học và sau đại học.

b) Chuẩn hóa và quản lý công tác đào tạo

Cùng với việc giữ vững quy mô nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, ĐHQG-HCM hoàn thiện cơ sở pháp lý quản lý công tác đào tạo. ĐHQG-HCM đã và đang chuẩn hóa các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn, tiêu chí chung của quốc tế.

Các cơ sở pháp lý trong đào tạo và liên thông đang được hoàn thiện để trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao cho các đơn vị như: Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ, Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ và Quy chế liên thông đào tạo.

Trong giai đoạn vừa qua, các cơ sở đào tạo đã tích cực áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng quốc tế cho các chương trình đào tạo như AUN, ABET, CDIO hay tiêu chuẩn chất lượng của Châu Âu. Ngoài ra, ĐHQG-HCM đang triển khai thí điểm các hoạt động chuẩn hóa theo các chuẩn mực quốc tế cũng như tăng cường tính liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước như triển khai các chương trình đào tạo kép giữa các cơ sở đào tạo và tham gia liên thông tín chỉ trong các trường đại học thuộc khối ASEAN.

Các trường thành viên và khoa trực thuộc đã rà soát và xây dựng lại các chương trình giáo dục (CTGD) đại học nhằm phù hợp HCTC, tăng cường liên thông, chuyển đổi giữa các chương trình, tăng tính chủ động cho sinh viên. Hiện tất cả các cơ sở đào tạo đã hoàn tất việc xác định loại chương trình (thạc sĩ theo học phần/thạc sĩ nghiên cứu). Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo đều được trình bày theo yêu cầu nêu rõ mục tiêu chung, mục tiêu đào tạo cụ thể, cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng như xây dựng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo. Từ năm 2008 (năm ban hành Quy chế đào tạo ĐH theo HCTC), các trường triển khai xây dựng mới chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tính tự học và khả năng nghiên cứu của sinh viên, số lượng tín chỉ trung bình là 140 tín chỉ/chương trình, đến nay hoàn thành khoảng 90%.

Song song với việc rà soát nội dung, chương trình, ĐHQG-HCM đã ban hành danh mục ngành, mã ngành trong toàn ĐHQG-HCM. Theo đó, tổng số ngành đào tạo trình độ đại học là 85, với 164 chương trình giáo dục; có 02 ngành đào tạo trình độ cao đẳng với 02 chương trình giáo dục. Số ngành đề nghị bổ sung mã ngành đào tạo là 14. Tuy nhiên, việc phân biệt ngành đào tạo với chương trình đào tạo chưa rõ ràng tại một số cơ sở đào tạo.

Về quy chuẩn chung chương trình giáo dục đại học, ĐHQG-HCM đã thẩm định cấu trúc của 14 chương trình giáo dục đại học theo quy chuẩn chung và hướng dẫn cơ sở điều chỉnh. Đến nay có 8 chương trình đã ban hành theo quy chuẩn chung. Hàng năm, các kế hoạch đào tạo, tuyển sinh được triển khai kịp thời đến tất cả các cơ sở đào tạo. Thêm vào đó, ĐHQG-HCM hiện có đầy đủ cơ sở dữ liệu đầu vào, đảm bảo việc cấp bằng cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ đúng quy định.

c) Công tác giáo trình.

Tính đến năm 2008, toàn ĐHQG-HCM, số môn học có giáo trình đạt 78,9%, trong đó 33,9% giáo trình do cán bộ của ĐHQG-HCM biên soạn. Số môn học chưa có giáo trình chủ yếu là giáo trình chuyên ngành của các ngành mới mở. Hầu hết các giáo trình đều là sách mới xuất bản trong những năm gần đây. Tỷ lệ môn học có giáo trình chiếm tỷ lệ thấp ở Khoa Kinh tế (nay là trường ĐH Kinh tế-Luật), trường ĐH Công nghệ Thông tin.

Bên cạnh giáo trình truyền thống, từ năm 2006, ĐHQG-HCM đã triển khai chương trình hỗ trợ kinh phí xây dựng giáo trình điện tử và đã có 78 bài giảng điện tử cấp độ 1; năm 2007 cấp kinh phí để xây dựng thí điểm 17 bài giảng điện tử; tập huấn đưa tài liệu lên VOCW hoặc xây dựng giáo trình từ VOCW. 3/5 cơ sở là Trường ĐHBK, CNTT và KHTN đưa bài giảng lên mạng (SĐH). Việc đưa giáo trình lên mạng tại ĐHQG-HCM còn kém so với các trường tham gia chương trình giáo trình điện tử của Bộ GD&ĐT.

d) Đẩy mạnh các chương trình đào tạo chất lượng cao theo chuẩn mực quốc tế

Một trong những hoạt động trọng tâm khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo là công tác đẩy mạnh các chương trình đào tạo chất lượng cao theo chuẩn mực quốc tế. Hoạt động này luôn được chú trọng, biểu hiện rõ qua việc triển khai ngày càng nhiều các chương trình đào tạo chú trọng đến cải tiến chất lượng liên tục hoặc các chương trình liên kết với các đối tác quốc tế đẳng cấp cao. Tính đến năm 2010, ĐHQG-HCM đang triển khai 51 chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới.

Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM đang triển khai giảng dạy 19 chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng, 03 chương trình tiên tiến sử dụng toàn bộ chương trình đào tạo của các trường đại học nổi tiếng thế giới. Ngoài ra, việc áp dụng tiếng Anh trong giảng dạy và học tập đã được các cơ sở đào tạo triển khai bằng nhiều hình thức như giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh hay giảng dạy song ngữ ở các chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng. Năm 2010, ĐHQG-HCM đã đưa ra quy định tỉ lệ tối thiểu dạy bằng ngoại ngữ đối với chương trình KS/CN tài năng là ít nhất 2 môn/chương trình. Kết quả đánh giá sơ bộ 14/19 chương trình cho thấy có 7/14 chương trình đạt tiêu chí này.

e) Đổi mới phương pháp giảng dạy

Hoạt động này đang được xem là một trong những yêu cầu thiết yếu đối với đào tạo theo HCTC theo hướng chuẩn hóa. Nhiều hội thảo về đổi mới PPGD cấp trường và cấp ĐHQG nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ giảng viên về đổi mới PPGD đã được triển khai; một số biện pháp cụ thể như ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới PPGD, biên soạn giáo trình điện tử, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đề cao PPGD lấy người học làm trung tâm, tăng cường thời gian tự học của sinh viên... Trường ĐHBK đã đưa lên trang Website của trường “Hệ thống hỗ trợ giảng dạy và học tập” (www.e-learning.hcmut.edu.vn), đây là một giải pháp tích cực và thu được kết quả thiết thực. Trường ĐHQG đang thực hiện chương trình đào tạo cải tiến, đưa

vào giảng dạy môn học “*Tư duy phản biện*” (Critical thinking) giúp sinh viên rèn luyện tư duy logic, sáng tạo.

f) Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục

Sau 4 năm thực hiện kế hoạch đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM cơ bản đạt được một số thành quả nhất định trong công tác ĐBCLGD:

- Thiết lập được một hệ thống văn bản, quy trình, quy định hoàn chỉnh, và bộ máy tổ chức nhân sự trên toàn hệ thống, từ cấp ĐHQG-HCM đến toàn bộ các trường thành viên. Hệ thống này bao gồm Hội đồng Kiểm định chất lượng ĐHQG-HCM nhằm định hướng và chỉ đạo các hoạt động, và bộ máy hoạt động thường xuyên ở từng đơn vị.
- Bước đầu đánh giá được thực trạng chất lượng của ĐHQG-HCM, nhận định đúng trên cơ sở số liệu và minh chứng cụ thể những điểm mạnh và tồn tại của ĐHQG-HCM, đồng thời đưa ra được một số minh chứng về các thế mạnh trong đào tạo của các trường thành viên thông qua việc tham gia đánh giá chương trình cấp khu vực và quốc tế.

Cụ thể, đợt đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo của Mạng lưới đại học Đông Nam Á AUN tiến hành đầu tiên tại Việt Nam, đã tiến hành đánh giá theo tiêu chuẩn của AUN đối với các chương trình đào tạo thuộc ĐHQG-HCM (chương trình Công nghệ Thông tin của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên và Trường Đại học Quốc tế và chương trình Điện tử - Viễn thông của Trường Đại học Bách khoa). Kết quả sau khi đánh giá, cả ba chương trình của ĐHQG-HCM đều đạt yêu cầu. Việc đánh giá này có ý nghĩa quan trọng trong việc nhân rộng đăng ký đối với các ngành khác trong toàn ĐHQG-HCM.

Một kết quả khả quan khác trong công tác kiểm định là việc Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam (Programme de Formation d'Ingénieurs d'Excellence au Viet Nam-gọi tắt là Chương trình PFIEV) đã được Ủy ban bằng kỹ sư Pháp (CTI) đánh giá và Chính phủ Pháp công nhận văn bằng kỹ sư giai đoạn 2010 – 2016; đồng thời, Cơ quan kiểm định đào tạo kỹ sư châu Âu (ENAE) công nhận thương hiệu Châu Âu EUR-ACE Master programme từ 1/9/2010 – 31/8/2016 cho các ngành kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện và kỹ thuật xây dựng.

Ngoài ra, để chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài chính thức theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM đã tiến hành đánh giá ngoài nội bộ một số đơn vị như trường ĐH Kinh tế - Luật, trường ĐH KH TN, trường ĐH KHXH&NV, Viện Môi trường – Tài nguyên, trường ĐH Bách khoa, trường ĐH Quốc tế.

g) Trường phổ thông Năng khiếu: nhân tài cho tương lai

Trường phổ thông năng khiếu là mô hình đầu tư của ĐHQG-HCM. Hệ trung học phổ thông năng khiếu góp phần quan trọng vào việc tạo nguồn sinh viên giỏi cho các trường ĐH và luôn đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và các cuộc thi Olympic quốc tế, mỗi năm có khoảng 20 giải thưởng học sinh giỏi quốc gia và quốc tế về tin học, toán học, vật lý, sinh học. Với yêu cầu cao về chất lượng trong đào tạo, mỗi kỳ tuyển sinh có 10-15% học sinh của trường được tuyển thẳng và 100% thi đỗ vào các trường đại học, nhiều em nhận được học bổng đi học tại các trường đại học danh tiếng của nước ngoài. Hằng năm, học sinh trường phổ thông năng khiếu đều tham gia và đạt nhiều thứ hạng cao trong các cuộc thi quốc tế. Năm 2010, học sinh trường PTNK đã đỗ thủ khoa 7 trường ĐH lớn. Trường PTNK là một mô hình hiệu quả của trường PTHH trong lòng đại học.

3. Hoạt động NCKH và CGCN phát triển mạnh về quy mô, chất lượng, hiệu quả cao, đạt một số thành tựu quan trọng.

Trong 5 năm qua, ĐHQG-HCM đã quyết tâm thực hiện một chiến lược tổng thể nhằm xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN theo hướng hội nhập quốc tế và gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhờ đó hoạt động KH&CN đạt được nhiều thành tựu quan trọng, làm cơ sở để ĐHQG-HCM phát huy vai trò là trung tâm KH&CN lớn khu vực phía Nam thông qua việc triển khai các chương trình KH&CN trọng điểm của Nhà nước, tham gia góp phần giải quyết các nhiệm vụ KH&CN quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long.

a) Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN

Với mục tiêu tạo môi trường quản lý thông thoáng, thuận lợi nhằm đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ, ĐHQG-HCM đã liên tục cải tiến cơ chế và các qui định quản lý theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị. Đồng thời, tạo cơ chế, chính sách hợp lý thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động khoa học trọng tâm của ĐHQG-HCM như xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và các đề tài nghiên cứu liên ngành, các trung tâm xuất sắc và các đơn vị chuyên gia công nghệ mạnh.

Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM đã hoàn chỉnh Hội đồng Khoa học-Đào tạo với 14 hội đồng ngành/nhóm ngành. Hội đồng Khoa học –Đào tạo đã chủ trì công tác xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ĐHQG-HCM giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ KH&CN và hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh

Đội ngũ cán bộ khoa học của ĐHQG-HCM tuy mạnh nhất khu vực phía Nam, nhưng phân bố không đồng đều theo các lĩnh vực, nhiều lĩnh vực thiếu các nhà khoa học đầu đàn.

Ngoài ra, tuy số cán bộ *tham gia* các đề tài, dự án KH&CN các cấp có tăng đáng kể so với giai đoạn 2001-2005, nhưng số cán bộ có khả năng *chủ trì các đề tài cấp nhà nước hoặc ĐHQG-HCM* còn thấp, khoảng 19% số người có trình độ SĐH. Như vậy, việc nghiên cứu khoa học ở trình độ cao chỉ tập trung vào một số ít cán bộ khoa học.

Trong giai đoạn 5 năm qua, kiên định với mục tiêu trở thành một trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, ĐHQG-HCM rất xem trọng việc xây dựng những nhóm nghiên cứu mạnh. Do đó, ĐHQG-HCM đã cùng các đơn vị đã kiên trì đầu tư tập trung xây dựng các nhóm nghiên cứu và đến nay đã hình thành gần 20 nhóm, trong đó khoảng 11 nhóm nghiên cứu mạnh có khả năng tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế (Phụ lục 3.9)

c) Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất hỗ trợ nghiên cứu khoa học

Ngay từ khi thành lập, ĐHQG-HCM đã chủ trương đầu tư tập trung nhằm hình thành hệ thống các phòng thí nghiệm (PTN) với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ có khả năng phục vụ công tác NCKH, chuyên giao công nghệ và đào tạo. Kiên trì thực hiện chủ trương này, từ năm 1999 đến nay ĐHQG-HCM đã đầu tư xây dựng 62 PTN với tổng kinh phí 1.048 tỷ đồng. Riêng giai đoạn 2006 – 2010 có 40 dự án với tổng kinh phí 430 tỷ đồng. Trong 62 dự án PTN được đầu tư giai đoạn 1999-2010 có 49 dự án từ ngân sách nhà nước với tổng kinh phí 690,2 tỷ và 13 dự án từ Ngân hàng Thế giới và các hợp tác quốc tế. Cho đến nay đã hoàn thành 43 dự án, đang thực hiện 19 dự án.

Việc phê duyệt các dự án PTN căn cứ theo chiến lược phát triển KH&CN của ĐHQG-HCM cũng như các đơn vị thành viên và được tư vấn bởi các ban chủ nhiệm chương trình KH&CN trọng điểm của ĐHQG-HCM. Các dự án được đầu tư tập trung theo các chương trình KH&CN trọng điểm của ĐHQG-HCM và là nhân tố quan trọng trong việc tăng quy mô và chất lượng các hoạt động KH&CN, tạo các đột phá KH&CN. Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng PTN được thực hiện theo định hướng :

- Tăng cường phát triển các PTN cơ bản phục vụ giảng dạy;

- Đầu tư các PTN chuyên sâu, phục vụ các chương trình KH&CN trọng điểm trên cơ sở thể mạnh của các đơn vị thành viên và các nhóm nghiên cứu mạnh, không đầu tư dàn trải;
- Ban hành quy chế sử dụng chung PTN để tăng cường khả năng khai thác và sử dụng hiệu quả trong toàn ĐHQG-HCM từ năm 2006.

Các phòng thí nghiệm trọng điểm: Trong hệ thống các PTN của ĐHQG-HCM, các PTN trọng điểm đóng vai trò nòng cốt. Ngoài 02 PTN trọng điểm quốc gia đến nay đã công nhận 10 PTN trọng điểm ĐHQG. Các PTN trọng điểm được ưu tiên kinh phí hoạt động (đề tài NCKH, hỗ trợ quỹ lương ...), tạo cơ chế để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo các định hướng xác định (Phụ lục 3.10)

d) Đề tài, dự án, chương trình KH&CN

- Đề tài, Dự án

Nhờ tăng cường cơ sở vật chất cho NCKH, quy mô đề tài/dự án được phê duyệt đã tăng đáng kể trong 5 năm qua, đặc biệt là các đề tài cấp nhà nước (đề tài thuộc chương trình KC, đề tài độc lập, đề tài hợp tác quốc tế theo nghị định thư), đề tài trọng điểm ĐHQG-HCM và đề tài cấp tỉnh/thành. Tổng kinh phí các đề tài, dự án KH&CN giai đoạn 2006-2010 là 160.722 triệu đồng, tăng gấp 2.3 lần so với giai đoạn 2001-2005 (Phụ lục 3.12.)

- Các chương trình KH&CN trọng điểm

Giai đoạn 2006-2010, ĐHQG-HCM đã triển khai 8 chương trình KH&CN trọng điểm. Kết quả từ các chương trình này đã tạo nền tảng cho sự phát triển KH&CN của ĐHQG-HCM những năm qua và đặc biệt cho giai đoạn tới. Các chương trình KH&CN gồm có: Chương trình CN thông tin và truyền thông, Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Cơ khí - Tự động hóa, Năng lượng tái tạo và sử dụng hiệu quả năng lượng, công nghệ sinh học, Khoa học Trái đất và môi trường, Những vấn đề xã hội - nhân văn trong phát triển đô thị ở khu vực Nam Bộ, Bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc trong quá trình hội nhập ở khu vực Nam Bộ, Những vấn đề dân tộc - tôn giáo ở khu vực Nam Bộ, và Nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên (Phụ lục 3.5).

e) Gắn kết nghiên cứu khoa học và đào tạo – Hạt nhân chương trình đào tạo theo hướng nghiên cứu chất lượng cao

ĐHQG-HCM chủ trương gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong cán bộ trẻ và sinh viên. Đào tạo sau đại học được xem như một trong những tiêu chí bắt buộc đối với các đề tài trọng điểm, với sản phẩm đề tài là kết quả cụ thể về bồi dưỡng cán bộ khoa học trẻ, nghiên cứu sinh và học

viên cao học - lực lượng quan trọng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học của người thầy. Qua tham gia nghiên cứu khoa học, đã có hàng trăm nghiên cứu sinh và hàng ngàn học viên cao học tốt nghiệp từ năm 2006 đến nay. Sinh viên ĐHQG-HCM đã tham gia tích cực và đoạt nhiều giải thưởng tại các cuộc thi trong nước và quốc tế, điển hình là vô địch kỳ thi Robocon châu Á - Thái Bình Dương năm 2006. Hay như năm học 2008 – 2009, ĐHQG-HCM chiếm 3 trong số 8 giải nhất, 6 trong số 13 giải nhì giải thưởng Eureka - giải thưởng sinh viên NCKH uy tín nhất của TP.HCM. Tại giải SV NCKH của Bộ GD-ĐT trong năm học, SV ĐHQG-HCM chiếm 2 giải nhất, 8 giải nhì. Nhiều công trình NCKH của SV được đánh giá cao như “*Chế tạo màng Si:H bằng phương pháp PECVD*”, “*Khảo sát khả năng cảm ứng Apoptosis của cao chiết Dichloromethane/Methanol từ vỏ cây trau trâu (Mammeasiamensis T. Anders) trên dòng tế bào ung thư phổi NCI-H460*”, ...

Ngoài ra, từ năm 2008, nằm trong chiến lược xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh về lĩnh vực vật liệu MANAR (cấu trúc nano và phân tử), trong đó chú trọng vào các vật liệu thuộc họ MOFs và ZIFs, ĐHQG-HCM liên kết với trường Đại học UCLA của Hoa Kỳ nhằm thực hiện hướng nghiên cứu này. Đồng thời, gắn kết giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo, ĐHQG-HCM cũng đã triển khai chương trình đào tạo tiến sĩ đầu tiên về vật liệu MANAR bắt đầu năm 2010.

f) Kinh phí khoa học công nghệ

Nhờ sự quan tâm của nhà nước, sự nỗ lực phấn đấu của các nhà khoa học và quản lý, tổng kinh phí nhà nước cấp cho ĐHQG-HCM giai đoạn 2006-2010 tăng gấp 2,7 lần giai đoạn 2001-2005. Đây là một nguồn lực rất quan trọng cho việc phát triển các chương trình KH&CN trọng điểm, xây dựng các phòng thí nghiệm và các nhóm nghiên cứu, triển khai nhiều đề tài/dự án qua trọng giai đoạn qua.

Từ nguồn kinh phí nhà nước cấp cho **các nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQG** (không tính kinh phí đầu tư chiều sâu, kinh phí các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước), hàng năm ĐHQG-HCM chi khoảng 50-60% cho các đề tài, dự án và các hoạt động KH&CN; 10 -15% cho việc hỗ trợ quỹ lương và hoạt động các tổ chức KH&CN; và 25 – 30% cho việc tăng cường năng lực nghiên cứu tại các đơn vị thành viên (mua sắm trang thiết bị phục vụ NCKH).

Trong thời gian qua, ĐHQG-HCM kiên trì thực hiện chủ trương đầu tư tập trung theo các chương trình KH&CN trọng điểm, vốn là thế mạnh của mình. Đầu tư này chủ yếu tập trung vào ba nội dung: PTN, đề tài/dự án KH&CN, hỗ trợ quỹ lương và hoạt động bộ máy. Các lĩnh vực được tập trung đầu tư và chiếm tỷ trọng ngân sách cao gồm có: KH&CN vật liệu (165 tỷ, chiếm 26,8%); Công nghệ thông tin – truyền

thông (90,3 tỷ, chiếm 14,7%); nghiên cứu cơ bản KHTN (89,8 tỷ, chiếm 14,6%); Công nghệ sinh học (79,5 tỷ, chiếm 12,9%); Khoa học trái đất và môi trường (69,8 tỷ, chiếm 11,3%) và Cơ khí tự động hóa (65 tỷ, chiếm 10,6%) (Phụ lục 3.5.).

g) Kết quả thu được từ hoạt động KHCN

- Công bố khoa học:

Giai đoạn 2001-2005 ĐHQG-HCM có 1.140 bài báo công bố trong các tạp chí khoa học (Quốc tế: 220, Việt Nam: 920). Từ năm 2006 đến tháng 10/2010, số bài báo công bố trong các tạp chí khoa học là 701 bài báo quốc tế và 1580 bài báo trong nước. Đáng chú ý là số bài báo đăng trong các tạp chí ISI tăng dần từ năm 2006 đến nay và chiếm trên 70% số bài đăng các tạp chí quốc tế hàng năm. Trong số 512 bài báo ISI đăng từ 2006 đến 2009 thì 283 bài (66%) tác giả đầu tiên là CB KH của ĐHQG-HCM, 115 bài (27%) tất cả tác giả là CB KH của ĐHQG-HCM (Phụ lục 3.3.).

Tuy số công trình NCKH công bố quốc tế tăng đáng kể, nhưng hầu hết tập trung vào các lĩnh vực NCCB trong KHTN và các lĩnh vực công nghệ (CN vật liệu, CN thông tin, CN sinh học, KH Trái đất và môi trường), những công trình NCKH trong các lĩnh vực KH xã hội, nhân văn, kinh tế hầu hết công bố tại các tạp chí trong nước.

- Đăng ký sở hữu trí tuệ (SHTT):

ĐHQG-HCM đã đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền SHTT đến các nhà khoa học, tổ chức các khoá tập huấn. Đặc biệt từ 2009 đến nay đã trực tiếp đứng ra đăng ký quyền SHTT cho 21 kết quả NCKH. Đồng thời các đơn vị thành viên (trường ĐH Bách khoa, Khu CN phần mềm, PTN CN Nano, ICDREC ...) cũng chủ động tổ chức đăng ký SHTT cho các thầy cô. Hiện nay, ĐHQG-HCM đang chuẩn bị thành lập trung tâm SHTT và CGCN nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SHTT và CGCN theo kinh nghiệm quốc tế.

- Chuyển giao công nghệ

Doanh thu từ các hợp đồng CGCN trong từ năm 2006 đến tháng 10/2010 đạt 344.5 tỷ tăng gấp 1.25 lần giai đoạn 5 năm 2001-2005. Nhìn chung mức tăng doanh thu CGCN các năm qua không nhiều (Phụ lục 3.2.)

Hiện nay các trung tâm CGCN đang tích cực chuyển đổi mô hình hoạt động theo cơ chế mới nhằm tăng cường trách nhiệm và nâng cao tính tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo và gắn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh.

Đặc biệt những năm gần đây một số trung tâm đã tạo ra các công nghệ cao và đưa vào ứng dụng thực tế (công nghệ vi mạch, điốt phát sáng, vật liệu polymer-composite, công nghệ môi trường, công nghệ tế bào ...)

h) Phát triển thông tin khoa học và công nghệ

Thông tin KH&CN luôn được quan tâm, thông qua Tạp chí Phát triển KH&CN. Kể từ khi thành lập (1998) đến nay, tạp chí đã xuất bản được 154 số với 1.361 bài thuộc các lĩnh vực KHXH&NV 101 bài (7%), KHTN 424 bài (31%), KT&CN 588 bài (43%), KHTĐ&MT 174 bài (13%), Kinh tế -luật & KHQL 74 bài (5%). Hiện nay, Tạp chí đã trở thành một diễn đàn khoa học và góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy của đội ngũ giáo viên ĐHQG-HCM. Công tác xuất bản tạp chí được đổi mới từng bước và đã giành được sự quan tâm và tích cực tham gia viết bài của các thầy cô giáo.

Để từng bước nâng tầm và hội nhập quốc tế, Tạp chí “*Phát triển Khoa học và Công nghệ*” của ĐHQG-HCM từ số 02 năm 2006 đã đăng ký mã số chuẩn quốc tế ISSN. Từ tháng 01/2007, Tạp chí đã thực hiện việc đăng ký và tham gia vào mạng lưới Tạp chí Khoa học quốc tế của INNASP. Đây là cơ hội để các bài báo của Tạp chí được giới thiệu với độc giả khoa học của nhiều nước và cũng là cơ hội để các tác giả bài báo có thể trao đổi, tranh luận, chia sẻ thông tin với nhiều nhà khoa học khác. Tạp chí cũng quảng bá và giới thiệu thông qua việc cập nhật các nội dung hoạt động của Tạp chí trên trang Web ĐHQG-HCM, trang web của Thư viện Trung tâm và trang Web của tổ chức quốc tế INNASP.

4. Vị thế và uy tín của ĐHQG-HCM không ngừng được nâng cao

a. Xây dựng và nâng cao hình ảnh ĐHQG-HCM

ĐHQG-HCM ra đời, với ưu thế đặc thù là tập hợp được sức mạnh của nhiều trường đại học, là một đại học đa ngành, đa lĩnh vực cấp quốc gia cùng với chế độ ưu tiên phát triển của Nhà nước, đã xây dựng các quan hệ hợp tác quốc tế lớn, từng bước tiếp thu các chương trình tiên tiến để tiếp nhận những thành tựu của thế giới và đổi mới theo tinh thần nghị quyết chuyên đề về công tác đối ngoại. Những thành tựu mà hoạt động quan hệ đối ngoại thực hiện được trong thời gian qua đã không ngừng góp phần thúc đẩy sự lớn mạnh của ĐHQG-HCM, tạo dựng hình ảnh ĐHQG-HCM của Việt Nam đối với thế giới. Trước hết, ĐHQG-HCM đã đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong việc quản lý đoàn ra, đoàn vào.

- Đoàn vào:

Về số lượng, số giảng viên, sinh viên đến thăm và làm việc với ĐHQG-HCM và các đơn vị thành viên trung bình hơn 1.000 người mỗi năm học. Về nội dung làm việc, trong những năm đầu chiến lược, các đoàn đến phần lớn để tìm hiểu về hoạt động của ĐHQG-HCM cũng như giao lưu, nói chuyện chuyên đề và trao đổi về khả năng hợp tác. Từ các cuộc tiếp xúc đó, càng về cuối giai đoạn chiến lược, các đoàn nước ngoài đến ĐHQG-HCM đã tập trung vào việc thảo luận những chương trình hợp tác cụ thể hoặc giảng dạy và thực hiện các dự án đào tạo và nghiên cứu tại các đơn vị thành viên.

- Đoàn ra:

Số lượng cán bộ và sinh viên của các đoàn ra tăng gần 66% trong giai đoạn 2007 – 2010. Đoàn ra nhiều nhất chủ yếu phục vụ mục tiêu tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, ký kết các văn bản hợp tác hoặc tham quan học tập ngắn hạn.

b. Ký kết và triển khai hợp tác

Với chính sách khuyến khích hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học của Đảng và Nhà nước, hàng loạt các chương trình đào tạo quốc tế đã được triển khai tại Việt Nam với các chuẩn chất lượng đã được quốc tế hóa. Trong bối cảnh đó, trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2010, ĐHQG-HCM đã ký kết và triển khai hơn 200 thỏa thuận hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới.

Có thể nói ĐHQG-HCM đang được cộng đồng các cơ quan giáo dục đại học trên thế giới quan tâm và đánh giá cao trong mối quan hệ hợp tác của họ. Đã có nhiều cơ quan giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới đến đặt quan hệ hợp tác lâu dài và xem ĐHQG-HCM là một đối tác quan trọng: Hoa Kỳ (UC, CA, Rutgers, UCLA, Illinois, Dukes, Loyola,...), Pháp (các ĐH Paris Orsay, Pierre et Marie Curie,...; Hệ thống INP, Nhật Bản (ĐHQG Tokyo, ĐH Waseda), Hàn Quốc (ĐH Korea, ...), Thái Lan (AIT, Chulalongkorn,...)...

c. Hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tổ chức Hội nghị, hội thảo.

- Học bổng:

ĐHQG-HCM cũng là nơi các quỹ học bổng tin tưởng ký kết tài trợ cho học tập và nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 4 năm qua, toàn ĐHQG-HCM đã thu hút được hơn 2.300 suất học bổng với tổng giá trị gần 8,3 triệu USD, chủ yếu cho các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Có thể nói đây là nguồn hỗ trợ rất lớn cho việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của nước ta.

- Sự kiện, hội nghị, hội thảo:

Không chỉ tham gia tích cực các hội nghị, hội thảo quốc tế với tư cách là thành viên chính thức (AUN, AUF, APAIE,...), ĐHQG-HCM còn chủ động đứng ra đăng cai

tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế, xem đây là cơ hội để giới thiệu mình đến các trường bạn và hệ thống các trường đại học trên thế giới. Trong hơn 4 năm từ 2007 đến 2010, ĐHQG-HCM đã tổ chức hoặc cùng tổ chức hơn 60 hội nghị, hội thảo quốc tế hoặc các buổi gặp gỡ trao đổi học thuật, kinh nghiệm nghiên cứu thu hút đông đảo chuyên gia, cán bộ và sinh viên trong và ngoài nước tham gia được các đơn vị đối tác nước ngoài đánh giá cao.

d. Đảm bảo chất lượng và hiệu quả các chương trình đào tạo liên kết

Số lượng chương trình liên kết (CTLK) đào tạo với nước ngoài tăng lên theo từng năm, từ 29 CTLK (2007) lên 51 CTLK (2010). Đoàn công tác của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã đánh giá cao các CTLK đào tạo tại ĐHQG-HCM với đối tác mạnh, tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, phương pháp giảng dạy hiện đại, tuyển sinh theo đúng qui chế của Nhà nước (Phụ lục 2.14.).

e. Tăng số lượng các dự án hợp tác quốc tế

Tìm kiếm, xây dựng các dự án hợp tác quốc tế thông qua việc tìm kiếm các nhà tài trợ, xây dựng các nhóm viết dự án, triển khai các dự án với sự tham gia của nhiều đơn vị thành viên và trực thuộc.

Tính đến năm 2009, ĐHQG-HCM đã hoàn thành 35 dự án quốc tế với tổng giá trị 25.218.625 USD. Hiện nay, ĐHQG-HCM đang triển khai 14 dự án quốc tế với tổng giá trị là 22.931.892 USD + 35.143.200.000 VNĐ + 320.000 Euro. Ngoài ra, có 2 dự án đang nằm trong giai đoạn đàm phán (Phụ lục 4.5.).

Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM đã xây dựng đề án thành lập Mạng đại học Campuchia – Lào – Việt Nam nhằm mục đích cùng phát triển mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa ba nước Campuchia – Lào – Việt Nam, cùng hợp tác đào tạo và nghiên cứu nhằm mục đích phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

5. Liên kết và hỗ trợ cộng đồng vì sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

ĐHQG-HCM không ngừng củng cố vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, vươn đến mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Đó không chỉ là hành trình chuyển giao tri thức và sáng tạo ra tri thức mà còn là con đường đưa những đóng góp trí tuệ của người thầy và sinh viên đi từ giảng đường, phòng thí nghiệm đến với cuộc sống, xã hội. Kết nối các địa phương và phục vụ cộng đồng, một tư duy mở và gắn với cuộc sống được ĐHQG-HCM nhìn nhận như một chức năng tất yếu của mình. ĐHQG-HCM hướng đến mục tiêu phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước,

tập trung vào khu vực phía Nam, cụ thể là TP Hồ Chí Minh và miền Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thể hiện trên ba lĩnh vực:

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực;
- Phối hợp và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới các trường đại học, cao đẳng trong khu vực;
- Góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực.

Ngoài ra, ĐHQG-HCM luôn bám sát mục tiêu đào tạo theo nhu cầu xã hội, cụ thể như việc thông qua các ký kết hợp tác trực tiếp với các công ty MicroSoft, IBM, PSV, TMA, VCCI, Tập đoàn Tôn Hoa Sen, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam... hoặc với các địa phương TP.HCM, Bình Dương, Quảng Ngãi, các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long...

Hệ thống ký túc xá là sản phẩm tiêu biểu của việc kết nối thành công giữa ĐHQG-HCM với các địa phương trong việc hoàn thiện dịch vụ đào tạo. Đây là trung tâm ký túc xá đầu tiên trong cả nước áp dụng thành công mô hình kết nối hợp tác này. Hiện có 20 tỉnh đã và đang tham gia đầu tư xây dựng ký túc xá phục vụ sinh viên các địa phương theo học tại ĐHQG-HCM.

Bên cạnh lĩnh vực đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đã phát huy vai trò phục vụ cộng đồng của ĐHQG-HCM. Với TP.HCM, ĐHQG-HCM luôn đóng vai trò quan trọng trong phát triển khoa học kỹ thuật và phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội. Hằng năm, các nhà khoa học ĐHQG-HCM thực hiện khoảng 20% số đề tài, dự án do Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM quản lý với khoảng 25% kinh phí khoa học công nghệ. Khu Công nghệ Phần mềm đã triển khai nhiều dự án với các đối tác: hợp tác với Khu Công nghiệp Long Hậu và Malaysia, hợp tác toàn diện và làm đầu mối khu vực phía Nam với Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự thuộc Bộ Quốc phòng, hợp tác toàn diện với Sở Truyền thông & Thông tin TPHCM, với Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM,...

6. Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất và khai thác sử dụng chung, phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học

a) Hình thành diện mạo khu đô thị ĐHQG-HCM

Công tác xây dựng cơ bản tại ĐHQG-HCM giai đoạn 2006-2010 đạt được nhiều kết quả khả quan. Một khu đô thị đại học công lập hơn 600 ha trong khu vực Đông – Bắc TP.HCM đã xuất hiện với hơn 25.000 sinh viên và 1.000 giảng viên, cán bộ, công chức-viên chức học tập và làm việc tại khu đô thị. Ngoài ra, có hơn 10.000

sinh viên ở ký túc xá. Đây cũng là tính hiệu tốt cho các dự án xây dựng các trường đại học công lập trong khu đô thị khoa học – công nghệ Đông Bắc TP.HCM. Những nét chính trong diện mạo khu đô thị ĐHQG-HCM đã hiện ra và rõ dần theo tiến độ xây dựng hằng năm.

a) Công tác đền bù – giải phóng mặt bằng – tái định cư

Tính đến cuối năm 2010, kết quả công tác đền bù – giải phóng mặt bằng – tái định cư trên toàn khu quy hoạch Thủ Đức – Dĩ An đạt khoảng 80%, đáp ứng cơ bản cho công tác xây dựng cơ bản, kể cả dự án xây dựng KTX SV 60.000 chỗ ở cho khu vực Tây Bắc TP.HCM trong chương trình xây dựng KTX SV của Chính phủ.

b) Công tác chuẩn bị đầu tư:

Từ năm 2006 đến nay, ĐHQG-HCM đã lập và phê duyệt thêm các dự án thành phần: QG-HCM 02, Tiểu dự án Viện MT-TN QG-HCM 03, Trường ĐH CNTT QG-HCM 04, QG-HCM 05, QG-HCM 06A, QG-HCM 06B, QG-HCM 11, QG-HCM 12. Chỉ còn 2 dự án thành phần chưa khởi động là QG-HCM 13 và QG-HCM 14. Công tác chuẩn bị đầu tư đến cuối năm 2010 đạt 90%. Công tác rà soát tổng dự án đã cơ bản hoàn thành và đang lập thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Phụ lục 5.3.).

c) Công tác thực hiện đầu tư đã thực sự đi vào nề nếp và có kế hoạch cụ thể

- Hạ tầng kỹ thuật toàn khu quy hoạch

Ngoài đường số 7 dài 1,7km thực hiện trước năm 2006, từ năm 2006 đến nay đã có gần 7km đường đô thị lộ giới 31,5m và 1km đường tiêu biểu lộ giới 17,5m được thực hiện kèm theo là hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng giúp giao thông khá tốt trong toàn khu quy hoạch.

- Các hạng mục nhà làm việc, nhà học, nhà thí nghiệm, hội trường, giảng đường, nhà ở sinh viên.

Đến nay, ĐHQG-HCM đã thực hiện 200.000m² sàn xây dựng, cùng với hơn 30 ha cây xanh, sân vườn, đường nội bộ của các dự án thành phần. Trong đó có gần 4.500m² sàn nhà ký túc xá xã hội hóa.

Các công trình xây dựng đã phân bố khắp ở khu trung tâm và Đông, Tây, Nam, Bắc của khu quy hoạch xây dựng ĐHQG-HCM. Đặc biệt tiểu dự án xây dựng khu TT GDQP đã hoàn tất.

b) Các công trình chung của ĐHQG-HCM

Phát huy thế mạnh của ĐHQG-HCM là một hệ thống đa ngành, đa lĩnh vực gồm các trường, viện thành viên, các đơn vị trực thuộc. ĐHQG-HCM quyết tâm đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu theo hướng đầu tư hiện đại, tập trung, đồng thời xây dựng cơ chế khai thác hiệu quả cơ sở vật chất dùng chung trong toàn ĐHQG-HCM.

Hiện nay, ĐHQG-HCM đã xây dựng và đưa vào hoạt động hiệu quả hệ thống các công trình cơ sở vật chất dùng chung, nâng cao giá trị sử dụng của nguồn vật chất, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

- Hệ thống thư viện

Phát huy ưu thế và năng lực tổng hợp của hệ thống nhằm phục tốt nhất cho mục tiêu đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao, ĐHQG-HCM đã xây dựng Thư viện (TV) trung tâm và liên kết các thư viện ở các đơn vị thành viên thành hệ thống TV ĐHQG-HCM. Từ tháng 2 năm 2008, Ban chỉ đạo hệ thống TV và Hội đồng TV đã được thành lập để điều hành các hoạt động chung của hệ thống TV thống nhất.

ĐHQG-HCM đã ban hành “Quy chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống thư viện ĐHQG-HCM”, đồng thời xây dựng hệ thống các văn bản pháp lý phục vụ cho hoạt động của hệ thống như chính sách phát triển, các quy định về thống nhất các tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật, dịch vụ, các quy định về tổ chức phục vụ độc giả.

Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM được đầu tư hiện đại hóa theo hướng thư viện điện tử, thư viện số (Digital Library) nhằm khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu khoa học nước ngoài phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đây cũng là một trong số ít những thư viện ở nước ta đầu tư các phần mềm quản lý thư viện đạt tiêu chuẩn quốc tế và các phần mềm tiện ích hỗ trợ hiệu quả việc truy cập từ xa vào nguồn tài nguyên điện tử.

Hiện nay, hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM có 275.000 đầu sách, 700 nhan đề tạp chí (Tài liệu bản in) và 10 cơ sở dữ liệu của nước ngoài phục vụ chung cho toàn hệ thống, 4 cơ sở dữ liệu số hóa chứa hơn 10.000 tài liệu khoa học (điện tử), gồm có luận án, luận văn, các công trình nghiên cứu khoa học, các tạp chí khoa học của ĐHQG-HCM và của các đơn vị thành viên.

Phát huy các thiết bị đa phương tiện, các phòng máy tính có kết nối mạng internet tốc độ cao, mạng không dây được đầu tư trên quy mô lớn cho các thư viện để triển khai các hoạt động chung của hệ thống. Cho đến nay các dịch vụ được chuyển đổi mạnh mẽ, từ mô hình khép kín, phục vụ riêng rẽ sang mô hình liên thông, phục vụ chung cho độc giả của toàn hệ thống ĐHQG-HCM; từ chủ yếu là cung cấp tài liệu nay thêm cung cấp dịch vụ tham khảo, hỗ trợ, huấn luyện nâng cao kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin cho độc giả.

Hiện tại, tổng diện tích sử dụng của hệ thống thư viện là 15.000m² với 3500 chỗ ngồi và 400 máy tính phục vụ bạn đọc. Số lượt độc giả sử dụng thư viện trung bình 4.000 lượt/ngày, tài liệu cho mượn về nhà trung bình 1.500 quyển/ngày và khoảng 150.000 lượt truy cập toàn văn/năm đối với tài liệu nước ngoài.

- Hệ thống ký túc xá văn minh

Nhờ ưu thế của mô hình trung tâm đại học lớn, ĐHQG-HCM đã thu hút được các nguồn lực xã hội hình thành một hệ thống ký túc xá đáp ứng, từng bước đáp ứng nhu cầu nội trú của sinh viên.

Hiện nay, hệ thống ký túc xá tại khu đô thị ĐHQG-HCM (Thủ Đức – Dĩ An) gồm 2 khu KTX A và KTX B và khu KTX xã hội hóa.

- Khu KTX A hiện hữu gồm 20 đơn nguyên KTX được xây dựng từ ngân sách của Thành phố, các tỉnh và ĐHQG-HCM, trong đó 18 đơn nguyên đã hoàn thành và đang sử dụng, 2 đơn nguyên sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2010. Khu A mở rộng cũng đang được xây dựng, dự kiến khi hoàn thành, toàn bộ khu A sẽ phục vụ 20.000 chỗ ở sinh viên.
- Khu KTX B: ĐHQG-HCM cùng với Lãnh đạo Thành phố HCM, tỉnh Bình Dương đã tổ chức Lễ khởi công dự án đầu tư xây dựng KTX sinh viên quy mô 40.000 chỗ thuộc dự án thành phần QG-HCM-06 nằm trong tổng thể chương trình 100.000 chỗ ở cho sinh viên tại TP.HCM, Bình Dương. Thời gian dự kiến hoàn thành khu B và đưa vào sử dụng vào năm 2012.
- Khu KTX xã hội hoá với hơn 1.000 chỗ (diện tích 4.500 m² sàn nhà cấp 4 trị giá 11 tỷ đồng được sử dụng trong 10 năm).

Bên cạnh hệ thống ký túc xá tại khu vực Thủ Đức – Dĩ AN, tại nội thành thành phố Hồ Chí Minh, ĐHQG-HCM nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ rất quý báu từ lãnh đạo các tỉnh thành, doanh nghiệp nhằm xây dựng các ký túc xá theo hướng hiện đại, tiệm cận chuẩn quốc tế. Đó là, trường Đại học Bách khoa đã vay được 60 tỷ đồng vốn kích cầu của Tp HCM để xây dựng KTX hiện đại ở Quận 10, có sức chứa hơn 2.500 SV với trang thiết bị hoàn chỉnh, quản lý theo phương thức hiện đại và có thể so sánh với các KTX của các trường đại học quốc tế.

- Hệ thống mạng công nghệ thông tin về khoa học giáo dục

Hệ thống mạng công nghệ thông tin về khoa học giáo dục của ĐHQG-HCM có quy mô lớn trong hệ thống đại học cả nước, với trên 50.000 người sử dụng. Hạ tầng mạng trục nối toàn bộ các cơ sở của ĐHQG-HCM (nội và ngoại thành) được xây dựng bằng cáp quang băng thông 1Gbps, đồng thời tham gia mạng TEIN2 để kết nối các cơ sở đào tạo, nghiên cứu của ĐHQG-HCM, trong nước và quốc tế, tạo điều kiện để khai thác nguồn dữ liệu thông tin, sách báo, giáo trình điện tử và đào tạo từ xa qua mạng.

- Hệ thống các phòng họp và hội trường dùng chung

Để đáp ứng yêu cầu sử dụng chung cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động, ĐHQG-HCM chủ trương :

- ĐHQG-HCM: có Hội trường lớn (hơn 1.200 chỗ) để tổ chức các sự kiện lớn;
- Các đơn vị có các Hội trường và giảng đường từ 500 chỗ trở xuống dùng chung trong ĐHQG-HCM.

Ngoài ra, khi có nhu cầu và tùy theo yêu cầu của công việc, ĐHQG-HCM và các đơn vị sử dụng chung cơ sở vật chất tại các đơn vị thành viên và trực thuộc, trên cơ sở hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau.

- Nhà khách Trung tâm

ĐHQG-HCM đã đưa vào sử dụng Nhà khách công vụ với diện tích sàn là 9.034 m², có 74 phòng ở và phòng họp đầy đủ tiện nghi, đáp ứng cho việc tổ chức các hội nghị, hội thảo và là nơi ở, nghỉ ngơi cho các Giáo sư, cán bộ thỉnh giảng cũng như cho các CBVC có nhu cầu ở trong ngắn hạn

7. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, quản lý trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục, đào tạo

Là một trong hai trung tâm lớn của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, ĐHQG-HCM phải xây dựng được đội ngũ cán bộ khoa học, quản lý trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục, đào tạo; hình thành đội ngũ cán bộ mạnh trong các lĩnh vực: khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kinh tế và quản lý, khoa học sức khỏe nhằm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

ĐHQG-HCM đã và đang tiếp tục triển khai đề án xây dựng ngũ giai đoạn 2007-2012 nhằm phát triển đội ngũ đủ số lượng, trình độ cao, có tâm huyết, cơ cấu phù hợp, cơ bản đảm bảo được mục tiêu chiến lược trung hạn của ĐHQG-HCM, đồng thời có tính đến khả năng hỗ trợ cho các cơ sở khác, đặc biệt là Tp.HCM, Bình Dương và Khu Công nghệ Cao Tp.HCM. Mặt khác, ĐHQG-HCM tập trung chú trọng vào công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đánh giá, đề bạt cán bộ; lãnh đạo thực hiện quy trình công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đáp ứng được yêu cầu hoạt động mọi mặt của ĐHQG-HCM. Tính đến nay, ĐHQG-HCM đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau.

- Về đội ngũ

Tổng số cán bộ viên chức của ĐHQG-HCM đã tăng khá nhiều, gần 61% (từ 3119 người năm 2006 lên 4.545 người năm 2010). Trong đó, số lượng cán bộ giảng

dạy tăng 52% (từ 1.583 CBGD lên 2.595 CBGD); số lượng cán bộ nghiên cứu tăng 472% (từ 97 người lên 461 người). Ngoài ra, trong tổng số cán bộ giảng dạy và nghiên cứu, tỷ lệ cán bộ có trình độ sau đại học tăng 51%, từ 1.336 thạc sỹ, tiến sỹ năm 2006 lên 2.109 thạc sỹ, tiến sỹ năm 2010. Riêng số lượng tiến sỹ cũng tăng đáng kể, từ 478 người lên 726 người, tăng gần 52%, trong đó có 190 GS và PGS.

- Về đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức

Đội ngũ cán bộ với nòng cốt là cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu là các nhân tố quyết định sự phát triển của ĐHQG-HCM. Để thực hiện công tác này, ĐHQG-HCM đã xây dựng và tiếp tục định hướng đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; đã soạn thảo và ban hành một số quy chế, quy định để tạo hành lang pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai đề án; các đơn vị thành viên, trực thuộc đều đã xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức của mình.

Trong quá trình triển khai, lãnh đạo ĐHQG-HCM chỉ đạo quyết liệt, các đơn vị đã sử dụng có hiệu quả nhiều nguồn kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức, đặc biệt là đào tạo sau đại học đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi được giữ lại. Bám sát chương trình, kế hoạch, biện pháp từ khâu tuyển dụng, thu hút nhân tài đến việc đào tạo bồi dưỡng, ĐHQG-HCM đã triển khai nhiều chương trình đào tạo bồi dưỡng theo chuẩn ngành và bồi dưỡng theo nhu cầu công việc cho CBCC-VC; Bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước cho viên chức hành chính mới tuyển. Ngoài ra, ĐHQG-HCM từng bước chuẩn hóa việc sử dụng chung đội ngũ, đẩy mạnh các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài. Tuy nhiên, hạn chế của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức là chưa thực sự gắn việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng trước khi đề bạt, bổ nhiệm.

- Thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước

ĐHQG-HCM đẩy mạnh chính sách thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước cùng làm việc và đóng góp cho sự phát triển chung của ĐHQG-HCM. Hiện nay, ĐHQG-HCM đã mời được 5 chuyên gia như: GS. Võ Văn Tới (xây dựng ngành Y sinh tại trường ĐH Quốc Tế), GS. Hồ Tấn Nhựt (xây dựng chương trình đào tạo theo CDIO), GS. Đào Trung Giang, GS. Đặng Lương Mô (cố vấn Ban Giám đốc ĐHQG-HCM xây dựng và phát triển ngành thiết kế vi mạch) và GS. Dương Nguyên Vũ (xây dựng Trung tâm Xuất sắc – John Von Neumann) về công tác tại ĐHQG-HCM.

- Khai thác, sử dụng chung nguồn nhân lực

Phát huy thế mạnh của một thể thống nhất, cùng với sức mạnh và tiềm năng của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học và cán bộ giảng dạy đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, ĐHQG-HCM đã nhanh chóng xây dựng Quy chế sử dụng và khai thác

nguồn lực đội ngũ chung để toàn hệ thống cùng chia sẻ và cùng thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng và phát triển ĐHQG-HCM.

8. Cải tiến công tác xây dựng kế hoạch, đổi mới công tác quản lý tài chính, đẩy mạnh công tác tự chủ tài chính

a) Công tác kế hoạch và xây dựng dự toán ngân sách

Trong những năm qua, ĐHQG-HCM đã có nhiều cải tiến về quy trình xây dựng và lập kế hoạch hoạt động. Các đơn vị thành viên và trực thuộc đang từng bước hoàn thiện các phương pháp cũng như các thủ tục lập kế hoạch cho tổ chức mình. ĐHQG-HCM cũng đã làm việc trực tiếp với các đơn vị, hỗ trợ và hướng dẫn việc lập kế hoạch và dự toán ngân sách. Do đó, từ việc kế hoạch hoạt động hàng năm còn dàn trải và không đi kèm với nguồn lực tài chính, nguồn lực nhân sự, nguồn lực cơ sở vật chất, ĐHQG-HCM nói chung và các đơn vị thành viên nói riêng đã cải thiện đáng kể công tác kế hoạch bằng cách áp dụng phương pháp quản lý chất lượng theo quá trình và kết quả đầu ra, trong đó bao gồm việc phân bổ các nguồn lực tài chính, nhân sự, cơ sở vật chất cho các hoạt động. Bên cạnh đó, kế hoạch hoạt động hàng năm được chia thành hai mảng chính: (1) các hoạt động ưu tiên với những chương trình trọng tâm và (2) các hoạt động thường xuyên. Ngoài ra, để thực hiện kế hoạch một cách có hiệu quả, ĐHQG-HCM đã hướng dẫn, theo dõi các đơn vị thành viên và trực thuộc trong công tác xây dựng kế hoạch năm và lập dự toán trên cơ sở nhiệm vụ của năm học và dần chuyển qua năm tài chính gắn với các chỉ tiêu, nguồn kinh phí thực hiện.

Về hiệu quả hoạt động và đầu tư, ĐHQG-HCM đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện, kể cả tiến độ giải ngân các chương trình trọng điểm cũng như các hoạt động thường xuyên cấp ĐHQG và cấp đơn vị thành viên, trực thuộc theo định kỳ sáu tháng và một năm. Việc đánh giá này được thực hiện công khai, minh bạch căn cứ trên các chỉ số thực hiện đã được xây dựng và có so sánh, đối chiếu với mức độ thực hiện của những năm trước. Ngoài ra, việc quyết toán các nguồn kinh phí cũng đã được ĐHQG-HCM thực hiện theo đúng chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước.

b) Đánh giá nhiệm vụ thu, chi NSNN

Dựa trên những thành quả ban đầu về các mảng hoạt động chính như đảm bảo chất lượng đào tạo và kiểm định, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phát triển cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ và sự cải tiến về công tác quản trị đại học, trong đó có công tác kế hoạch – tài chính, cũng như trên cơ sở được trao quyền tự chủ tài chính và chịu trách nhiệm trước nhà nước, xã hội, ĐHQG-HCM đã phát huy quyền tự chủ của các đơn vị, mở rộng các nguồn thu bổ sung, sử dụng kinh phí có hiệu

quả và tiết kiệm trên cơ sở thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP và Nghị định 43/2006/NĐ-CP về tự chủ tài chính.

- Đánh giá nhiệm vụ thu NSNN giai đoạn 2006 – 2010:

Hàng năm, Bộ Tài chính giao dự toán thu NSNN cho ĐHQG-HCM trong đó có thu từ học phí, lệ phí và hoạt động khác. Trong tình hình thu ngân sách nhà nước hàng năm với mức học phí không tăng và quy mô tăng với tỷ lệ thấp (1-2% năm), ĐHQG-HCM đã rất nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cụ thể, tỷ lệ nguồn thu học phí, lệ phí và nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp so tổng nguồn thu đang có xu hướng giảm. Tỷ lệ nguồn thu học phí, lệ phí giảm đáng kể, từ 38 – 40% trong giai đoạn đầu chiến lược xuống còn 33% trong năm cuối chiến lược 2010 và tỷ lệ nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp cũng đã giảm từ 34% năm 2006 xuống chỉ còn 29%. Trong khi đó, ĐHQG đang cố gắng tăng nguồn thu từ các hoạt động tài trợ, dịch vụ theo qui định như chuyên gia công nghệ, liên kết đào tạo với nước ngoài, đào tạo ngắn hạn, tư vấn khoa học, ... Kết quả là trong giai đoạn 2006 – 2010, tỷ lệ nguồn thu từ các hoạt động tài trợ và dịch vụ nói so tổng nguồn thu đã tăng đáng kể, từ 28% trên tổng nguồn thu năm 2006 lên 39% trong năm 2010.

Về nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp cho chi thường xuyên vẫn tăng đều hàng năm, trong năm 2008, nguồn thu này chỉ tăng 3% do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới và lạm phát tăng nhanh ở Việt Nam, do đó Chính phủ đã quyết định cắt giảm các chi tiêu công. Tuy nhiên, khi kinh tế đã dần được phục hồi và các hoạt động của ĐHQG-HCM đã có các chuyển biến tích cực trong năm 2009 và 2010 thì ngân sách nhà nước cấp hàng năm đã tăng gần 15% so năm 2008.

- Đánh giá nhiệm vụ chi NSNN giai đoạn 2006 – 2010:

Trong những năm qua, chi phí đa số tập trung vào các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, dao động trong khoảng từ 39 đến 41% trong tổng chi phí cho các hoạt động, tiếp đó là chi cho con người, chi phí này đang có xu hướng tăng (từ 27% năm 2006 lên 30% năm 2010). Bên cạnh đó, chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học đã giảm đáng kể trong 4 năm qua, từ 15% năm 2006 xuống còn 6% năm 2010. Việc giảm kinh phí này là do trên cơ sở các trang thiết bị đã được đầu tư trong giai đoạn trước, ĐHQG-HCM tập trung phát triển công tác quản lý các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ và đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

c) Cấp vốn thực hiện và điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư và dự án xây dựng ĐHQG-HCM

Giai đoạn 2006-2010, tổng vốn ngân sách nhà nước cấp cho ĐHQG-HCM là 1.427 triệu đồng. Ngoài ra, ĐHQG-HCM đã thực hiện công tác xã hội hóa trong việc xây dựng ký túc xá sinh viên và khu dịch vụ công cộng. Tổng kinh phí xây dựng từ các hoạt động xã hội hóa là ước gần 200 tỷ đồng, hơn 14% so tổng vốn ngân sách nhà nước đã cấp.

Bên cạnh đó, do có sự thay đổi nâng cấp và tăng quy mô đào tạo (nâng cấp Trung tâm Công nghệ thông tin thành trường Đại học Công nghệ thông tin, nâng cấp khoa Kinh tế thành trường Đại học Kinh tế - Luật, trường Đại học Quốc tế mở rộng, nâng cấp trường Đại học Bách Khoa để chuyển toàn bộ sinh viên cơ sở nội thành lên học tập tại khu quy hoạch, nâng công suất ký túc xá sinh viên...), cũng như nhu cầu phát triển thêm một số ngành mới (Khoa Y, các khu nghiên cứu thực nghiệm, khu chuyên giao công nghệ...), đặc biệt do đợt biến động giá năm 2007-2008 đã làm chỉ số giá xây dựng tăng gấp 2 lần, vì vậy, ĐHQG-HCM đã tiến hành rà soát lại quy mô và tổng vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng ĐHQG-HCM. Theo đó, Dự án xây dựng ĐHQG-HCM tại khu Thủ Đức – Dĩ An gồm có 16 dự án thành phần với tổng mức đầu tư sau rà soát là 20.531,6 tỷ đồng, trong đó vốn xã hội hóa là 6.908,2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 33,6% so tổng mức đầu tư, chưa bao gồm nguồn vốn trái phiếu Chính phủ là 3.288,774 tỷ.

d) Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư

Trong những năm qua, ĐHQG-HCM đã rất chú trọng đến công tác thu hút đầu tư nhằm tăng nguồn thu ngoài nguồn ngân sách nhà nước cấp. Để thực hiện được chủ trương nêu trên, năm 2008, ĐHQG-HCM đã xây dựng Quy chế thu hút đầu tư theo hình thức BOT, BTO và BT và danh mục các dự án đầu tư vào khu quy hoạch Thủ Đức – Dĩ An cũng như khu nội thành trình các Bộ xin ý kiến. Sau đó, Bộ Tài chính đã đồng ý để ĐHQG-HCM được phép áp dụng Nghị định Chính phủ số 78/2007/NĐ-CP, ngày 11/05/2007 để thu hút đầu tư vào ĐHQG-HCM.

Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM đã thành lập Trung tâm Dịch vụ - Xúc tiến đầu tư và Trung tâm Quản lý và Phát triển Đô thị Đại học với nhiệm vụ thu hút và triển khai các hoạt động xã hội hóa các công trình xây dựng theo qui hoạch.

9. Hình ảnh sinh viên ĐHQG-HCM: người chủ tương lai của đất nước

a) ĐHQG góp phần hoàn thiện tính cách và phong cách sinh viên

Trên cơ sở phát huy thế mạnh của đại học đa ngành, đa lĩnh vực ĐHQG đã tạo dựng được một phong trào sinh viên lớn và mạnh từ các trường thành viên, thuận lợi cho việc tập hợp và tổ chức các hoạt động của sinh viên. Hình thành phong cách và văn hoá sinh viên ĐHQG-HCM với sự quan hệ và hiểu biết trong toàn hệ thống. Sinh viên của ĐHQG-HCM luôn đi đầu trong các phong trào tình nguyện, tổ chức nhiều hoạt động phong phú và bổ ích, thực hiện nếp sống văn minh, thông qua đó rèn luyện nhân cách, tu dưỡng để trở thành những người có ích cho xã hội và tự hào với danh hiệu Sinh viên ĐHQG-HCM.

b) ĐHQG-HCM chỗ dựa trong phong trào sinh viên thành phố

Hoạt động của sinh viên ĐHQG-HCM thực sự là chỗ dựa của phong trào sinh viên và thanh niên thành phố Hồ Chí Minh, kể cả trong quan hệ quốc tế. Trong những năm qua, sinh viên ĐHQG-HCM luôn đi tiên phong và đạt được nhiều thành tích trong các lĩnh vực NCKH, học thuật, lý luận chính trị, chiến dịch tình nguyện, ... và được nhân rộng (phong trào “Sinh viên 3 tốt”, các cuộc thi Eureka, Olympic các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Robocon...).

10. Năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được nâng cao

a) Đảng bộ ĐHQG-HCM trong nhiệm kỳ III (2006-2010) đã tập trung công tác tư tưởng-chính trị, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất về tư tưởng tổ chức và hoạt động trong toàn Đảng bộ, CB-VC, HS-SV vì mục tiêu xây dựng ĐHQG-HCM lớn mạnh, đó là thành tựu quan trọng nhất tạo ra nhân tố có ý nghĩa quyết định cho sự ổn định và phát triển của ĐHQG-HCM.

b) Năng lực quản lý và tổ chức hoạt động của Hội đồng, Ban Giám đốc, các Ban chức năng, Ban Giám hiệu và thủ trưởng các đơn vị thành viên được củng cố, hoạt động theo quy chế, kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đảm bảo thông tin thông suốt, chỉ đạo kịp thời.

c) Các tổ chức quần chúng (Công đoàn, Đoàn TNCS, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh) được củng cố, có nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi, tạo điều kiện tập hợp, tổ chức quần chúng tham gia các hoạt động của ĐHQG-HCM và hoạt động xã hội.

d) ĐHQG-HCM đã tạo được phong trào thi đua - một động lực quan trọng nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị. Các hội nghị điển hình tiên tiến, Đại hội thi đua ĐHQG-HCM kịp thời biểu dương những cá nhân và tập thể tiên tiến, cổ vũ, động viên CB-VC và HS-SV nỗ lực vươn lên góp phần xây dựng ĐHQG-HCM lớn mạnh. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.

III. Tồn tại

1. Hệ thống quản lý chưa thật sự chuyên nghiệp. Mối liên kết, hợp tác giữa các đơn vị chưa thật chặt chẽ. Do đó, chưa nâng cao được sức mạnh hệ thống thông qua các chương trình chung về đào tạo, NCKH, xây dựng đội ngũ và cơ sở vật chất dùng chung.
2. Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của các cơ sở đào tạo vẫn còn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Bên cạnh đó, mặc dù bước đầu ĐHQG-HCM đã có các chương trình đào tạo đạt chuẩn khu vực và quốc tế, nhưng nhìn chung, chất lượng của một số chương trình đào tạo vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu xã hội.
3. Chưa khai thác một cách triệt để lợi thế của một đơn vị đa ngành, đa lĩnh vực trong nghiên cứu khoa học. Cụ thể là chưa xây dựng được nhiều chương trình nghiên cứu khoa học liên ngành, lớn, có tác động mạnh đến chất lượng đào tạo cũng như kinh tế-xã hội của địa phương và đất nước.
4. Đội ngũ tăng khá nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu một trung tâm đào tạo chất lượng cao. Đội ngũ chuyên gia, khoa học hàng đầu còn chưa nhiều.
5. Xây dựng cơ bản mặc dù hoàn thành chỉ tiêu (30% cán bộ, 50% SV làm việc tại khu quy hoạch) nhưng tiến độ vẫn còn chậm so với chỉ đạo của Chính phủ.

C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

I. Hình thành bộ máy thường trực theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược:

Ngay khi ban hành Phương hướng, nhiệm vụ chiến lược trung hạn xây dựng và phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2006 – 2010, Ban Giám đốc đã giao Cơ quan ĐHQG-HCM nhiệm vụ theo dõi việc triển khai kế hoạch chiến lược trong toàn ĐHQG-HCM; Đồng thời, hàng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo các mũi đột phá và các chỉ số thực hiện. Bên cạnh đó, Giám đốc ĐHQG-HCM đã ký quyết định thành lập Tổ công tác nghiên cứu chiến lược phát triển ĐHQG-HCM với nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, tổng hợp và soạn thảo chiến lược phát triển ĐHQG-HCM trình Hội đồng ĐHQG-HCM xem xét và ra quyết định;

- Nghiên cứu, rà soát, đánh giá nội dung chiến lược phát triển của các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM;
- Chuẩn bị nội dung các phiên họp của ĐHQG-HCM về chiến lược phát triển.

II. Chỉ đạo triển khai, kiểm soát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược

Hàng năm, căn cứ trên các mục tiêu và giải pháp chiến lược của các mũi đột phá cũng như các mảng hoạt động thường xuyên, Ban Giám đốc ĐHQG-HCM đã chỉ đạo các đơn vị thuộc ĐHQG-HCM hình thành kế hoạch hoạt động năm bao gồm các chương trình, đề án trọng tâm và các hoạt động thường xuyên kèm các nguồn lực thực hiện như kinh phí, nhân sự, CSVC. Kế hoạch hoạt động năm của các đơn vị đã gắn với nguồn lực tài chính và có đưa ra các chỉ tiêu thực hiện cụ thể. Kế hoạch này được ĐHQG-HCM và các đơn vị hoàn chỉnh trong quý 1 hàng năm và được phê duyệt triển khai trong cả năm.

Việc kiểm tra và đánh giá các chỉ số thực hiện đầu ra và tiến độ giải ngân theo kế hoạch hoạt động năm và báo cáo định kỳ 6 tháng và 12 tháng theo năm ngân sách thông qua Hội nghị sơ kết 6 tháng và Hội nghị tài chính vào cuối năm.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2006 – 2010.

- Kế hoạch chiến lược chưa được cập nhật và điều chỉnh hàng năm.
- Nhiều chỉ tiêu trong kế hoạch chiến lược được đặt ra quá cao so với hiện trạng và nguồn lực thực tế của ĐHQG-HCM.
- Công tác xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của các đơn vị thành viên và trực thuộc vẫn chưa đồng đều và rộng khắp.
- Giai đoạn hoạch định chiến lược của các đơn vị vẫn chưa thống nhất với cấp ĐHQG-HCM và Chính phủ.
- Các đơn vị nhìn chung vẫn chưa định hình được thế mạnh đặc trưng của mình để phát triển thông qua kế hoạch chiến lược.
- Kế hoạch hoạt động năm ở các đơn vị vẫn chưa thật sự bám sát mục tiêu chiến lược của đơn vị và của ĐHQG-HCM.

D. KẾT LUẬN

I. Đánh giá chung

Năm năm qua, ĐHQG-HCM đã nỗ lực vượt qua những khó khăn và thách thức, tạo được khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hoạt động. Về cơ bản đã hoàn thành những mục tiêu chủ yếu của Chiến lược giai đoạn 2006-2010, đạt được

những kết quả tích cực trong việc thực hiện chiến lược phát triển, tạo ra những điều kiện, những tiền đề cho bước triển khai nhanh và vững chắc tiếp theo. Những kết quả thực tế đã khẳng định chủ trương xây dựng ĐHQG-HCM thành trung tâm đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao là đúng đắn và phù hợp.

II. Nguyên nhân thành tựu

Đạt được những thành tựu như trên, ĐHQG-HCM trước tiên ghi nhận và đánh giá cao sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự ủng hộ và hợp tác của các địa phương. Kế đến là do Đảng ủy, Hội đồng, Ban Giám đốc ĐHQG-HCM nhất trí, xác định đúng mục tiêu, có kế hoạch và tăng cường chỉ đạo tổ chức thực hiện, có chiến lược, đề án thực hiện từng mục tiêu, từng mũi đột phá.

Đạt được các thành tựu trên cũng là do nỗ lực của các thành viên trong hệ thống ĐHQG-HCM, đã đoàn kết, thống nhất, một mặt có chương trình, kế hoạch cụ thể cho đơn vị phù hợp với chiến lược chung của ĐHQG-HCM, mặt khác phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo xây dựng đơn vị vững mạnh, đóng góp tích cực xây dựng ĐHQG-HCM, đó là sự cố gắng to lớn của toàn thể CB-VC, HS-SV nhận thức được danh dự và trách nhiệm của mình, đã nỗ lực phấn đấu vươn lên trong rèn luyện, công tác và học tập.

III. Nguyên nhân tồn tại

1. Cơ chế quản lý chưa hoàn thiện, chưa phát huy tốt thế mạnh của mô hình

ĐHQG-HCM là một hệ thống đại học đa ngành, đa lĩnh vực với cơ cấu và qui mô tổ chức đa dạng chưa có tiền lệ ở Việt Nam, do đó, để phát triển ổn định và bền vững rất cần sự ủng hộ của lãnh đạo các cấp về qui chế hoạt động cũng như cần thiết phải xây dựng cơ chế quản lý phù hợp, trong đó sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau và chia sẻ nguồn lực trong toàn hệ thống cần được thực hiện một cách hiệu quả hơn nữa. Ngoài ra, cần khai thác triệt để các quyền tự chủ hiện có đã được qui định trong Qui chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia do Chính phủ ban hành.

2. Lãnh đạo và quản lý triển khai kế hoạch chiến lược chưa thật sự hiệu quả

Công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược ĐHQG-HCM chưa thật sự rộng khắp trong toàn hệ thống. Cụ thể là một số các đơn vị thành viên và trực thuộc vẫn chưa nhận thức được việc cần xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đơn vị; hoặc khi xây dựng kế hoạch chiến lược, đơn vị cần căn cứ vào kế

hoạch chiến lược cấp ĐHQG để đảm bảo góp phần vào việc đạt được mục tiêu chung của toàn hệ thống. Ngoài ra, hệ thống quản lý và kiểm soát kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Vì vậy, việc đo lường và đánh giá mức độ đạt được mục tiêu chiến lược cũng như hệ thống các chỉ tiêu thực hiện vẫn chưa thật sự đầy đủ và theo đúng định kỳ. Từ đó, dẫn đến việc hiệu chỉnh mục tiêu chiến lược và hệ thống chỉ tiêu chưa kịp thời.

3. Kinh nghiệm và kiến thức về quản lý đại học còn hạn chế.

Hiện nay, ĐHQG-HCM đang trong quá trình cải tiến mạnh mẽ nhằm mục tiêu bắt nhịp với sự phát triển của giáo dục đại học thế giới. Để đạt được mục tiêu này, bên cạnh việc xây dựng một hệ thống quản lý hiện đại với cơ chế quản trị thông thoáng, tự chủ, tự chịu trách nhiệm xã hội cao, ĐHQG-HCM nhất thiết phải có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị đại học, đặc biệt là hệ thống đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu.

IV. Bài học kinh nghiệm

1. Nâng cao nhận thức trong công tác hoạch định

Hoạch định là một trong bốn chức năng cơ bản của quá trình quản trị. Hoạch định nhằm xác định mục tiêu và chọn lựa các giải pháp tối ưu để đạt được mục tiêu đã đề ra. Hoạch định một cách hiệu quả sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững và tránh lãng phí nguồn lực. Hiện nay, các đại học nổi tiếng và đẳng cấp cao trên thế giới luôn đề cao công tác hoạch định và dành nhiều thời gian cũng như nguồn lực cho công tác này. Vì vậy, để công tác quản trị đại học của ĐHQG nói chung và các đơn vị nói riêng được thành công thì chức năng hoạch định cần được lãnh đạo các cấp quan tâm và triển khai một cách hiệu quả.

2. Cơ chế xây dựng và triển khai chiến lược

- Phương pháp luận cũng như phương thức xây dựng, triển khai kế hoạch chiến lược cần được thống nhất chung trong ĐHQG-HCM và được thực hiện theo đúng lộ trình đã vạch ra. Tránh trường hợp mục tiêu chiến lược của ĐHQG và các đơn vị không liên quan với nhau, hoặc việc xây dựng kế hoạch chiến lược chỉ là hình thức.
- Cần có các quyết định chính thức phê duyệt kế hoạch chiến lược và kế hoạch chi tiết triển khai chiến lược ở cấp ĐHQG cũng như cấp đơn vị thành viên và trực thuộc.

- Cần thiết xây dựng bộ máy chuyên nghiệp xây dựng, quản lý và triển khai kế hoạch chiến lược. Các nhân sự này cần được tập huấn, trao đổi kinh nghiệm thường xuyên và được cung cấp các công cụ hỗ trợ công tác hoạch định.
- Các điều kiện thiết yếu triển khai chiến lược như nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất, ... cần được xác định phù hợp với khả năng hiện có của ĐHQG cũng như của đơn vị.

3. Giám sát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch chiến lược

Công tác giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược cần được thực hiện định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá cần được xem xét để so sánh với mục tiêu và hệ thống chỉ tiêu đã đề ra để thấy được mức độ hoàn thành kế hoạch chiến lược. Nếu có biến động về môi trường bên trong và bên ngoài làm ảnh hưởng mạnh đến việc triển khai các giải pháp chiến lược, nhất thiết phải có sự điều chỉnh mục tiêu chiến lược và hệ thống các chỉ tiêu để phù hợp với hiện trạng.
